TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v xin ly hôn giữa anh Q và chị A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện MS tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vì Văn Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản M, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Vì Thị A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản M, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năn 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vì Văn Q trình bày như sau:

Anh và chị Vì Thị A kết hôn với nhau từ năm 2017 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/2017. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị A bỏ đi làm thuê không thông báo cho anh Q và gia đình chồng biết. Chị A có thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm con

nhưng cũng không về thăm trực tiếp và không cho gia đình biết hiện đang làm việc ở đâu. Vợ chồng gần như sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị A chặn số liên lạc với chồng, chỉ có liên lạc với mẹ chồng để hỏi thăm con. Thời gian vợ chồng sống ly thân cũng đã lâu, chị A cũng không quay về nhà để hàn gắn tình cảm nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh Q và chị Acó 02 con chung là cháu Vì Thị Gia H, sinh ngày 29/01/2014 và cháu Vì Thị Trang H, sinh ngày 10/4/2015. Khi ly hôn anh có nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Do chị A cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên anh Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử theo quy định.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập chị Ađến Tòa án làm việc, tuy nhiên chị A không có mặt cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh Q, chị A tại địa phương nơi anh chị cư trú. Qua xác minh xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa anh Q và chị A là do vợ chồng anh Q, chị A vào năm 2018 có đi làm thuê xa nhà, sau đó không thấy chị A quay về nhà với chồng con nữa. Do chị A vẫn còn hộ khẩu tại bản M, xã CC nên anh Q vẫn phải chịu các khoản đóng góp theo nhân khẩu phần của chị A nên mới có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh chị có 02 con chung là các cháu Vì Thị Gia H sinh năm 2014 và Vì Thị Trang H sinh năm 2015, cả hai cháu hiện sống cùng với bố. Anh Q đảm bảo các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh chị từ khi kết hôn về sống cùng bố mẹ đẻ anh Q cũng không có đóng góp gì lớn vào khối tài sản chung của gia đình.

Do nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vì Văn Q và chị Vì Thị A.

Về con chung: Giao cháu Vì Thị Gia H, sinh ngày 29/01/2014 và cháu Vì Thị Trang H1, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chấp nhận việc anh Q không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Vì Văn Q về việc xin ly hôn với chị Vì Thị A. Chị A có hộ khẩu thường trú tại bản M, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến ly hôn, con chung của vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi cư trú hiện tại. Nên Tòa án

vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Vì Văn Q và chị Vì Thị A tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2017. Anh chị đã được UBND xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/2017 (số 06). Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Anh Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A bỏ đi làm thuê xa nhà không thông báo cho chồng, cho gia đình chồng biết đang ở đâu, làm gì cũng không về nhà thăm chồng con từ năm 2018 cho đến nay. Chị A thỉnh thoảng có liên lạc với mẹ chồng là bà Hà Thị L để hỏi thăm con nhưng cũng không cho biết địa chỉ nơi cư trú hiện tại. Chị A có biết việc anh Q có yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, nhất trí với việc ly hôn nhưng từ chối về giải quyết.

Chị A không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có một phần lý do như anh Q trình bày là do chị A bỏ đi làm xa không về nhà từ năm 2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2018 cho đến nay, chị A không về ở nhà, cũng không thông báo cho anh Q về việc đang ở đâu, làm gì. Chị A dù đã được gia đình anh Q thông báo về việc ly hôn thông qua điện thoại và mạng xã hội (zalo) và được Tòa án tống đạt thông qua đại diện chính quyền địa phương và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm với anh Q. Xét tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt anh Q giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Q và chị A.

[2.2] Về con chung: Anh Q và chị A có 02 con chung là cháu Vì Thị Gia H, sinh ngày 29/01/2014 và cháu Vì Thị Trang H1, sinh ngày 10/4/2015. Anh Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, anh Q đủ điều kiện nuôi con chung của vợ chồng. Chị A không có ý kiến về con chung khi giải quyết ly hôn. Xét ý kiến tự nguyện của anh Q và nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi (cháu H, cháu H1) để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên của vợ chồng khi ly hôn, Hội đồng xét xử giao

cháu Vì Thị Gia H và Vì Thị Trang H1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu H, cháu H1 trưởng thành và có khả năng lao động. Chấp nhận việc anh Q không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q kê khai không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Qua xác minh xác định anh Q, chị A khi kết hôn về sống cùng bố mẹ đẻ anh Q là ông Vì Văn Th và bà Hà Thị L tại bản M, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La. Ông T, bà L có ý kiến chị A chỉ sống tại nhà chồng một thời gian ngắn chưa có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình, cũng không có đề nghị Tòa án giải quyết đến quyền lợi của ông bà trong vụ án nên Tòa án không đưa ông T, bà L vào với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng của anh Q, chị A trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vì Văn Q và chị Vì Thị A.

2. Về con chung:

Giao cháu Vì Thị Gia H, sinh ngày 29/01/2014 và cháu Vì Thị Trang H1, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chấp nhận việc anh Q không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị A được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị A được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Anh Vì Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002313 ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CC ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh